

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 2511 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính các lĩnh vực của ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2958 /TTr-SCT ngày 13 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính các lĩnh vực của ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc công bố thủ tục hành chính các lĩnh vực của ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, phường, xã, và tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KS TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, KSTT.



Lê Trung Chinh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND QUẬN, HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		
1	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.000620	Sửa đổi, bổ sung
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.000615	Sửa đổi, bổ sung
3	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.001240	Sửa đổi, bổ sung
4	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181	Sửa đổi, bổ sung
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000162	Sửa đổi, bổ sung
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150	Sửa đổi, bổ sung
7	Thủ tục Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000633	Giữ nguyên
8	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000629	Giữ nguyên
9	Thủ tục Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279	Giữ nguyên
II	Lĩnh vực Kinh doanh khí		
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001283	Sửa đổi, bổ sung
11	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001261	Sửa đổi, bổ sung
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001270	Sửa đổi, bổ sung
III	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương		
13	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	2.002096	Giữ nguyên

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC NGÀNH CÔNG THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND QUẬN, HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

I. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

1. CẤP GIẤY PHÉP BÁN LÊ RƯỢU

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản để thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và cấp giấy phép bán lẻ rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định. Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

+ Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.

+ Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười (10) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân và tổ chức kinh doanh rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ rượu hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép theo Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân.

- Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/7/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 50% mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Từ ngày 01/01/2024, thực hiện thu theo mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy phép: Không có.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- *Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.*

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: Sửa đổi phí, lệ phí theo quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

TÊN THƯƠNG NHÂN

Số: /

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày Tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU

Kính gửi: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:Điện thoại: Fax:

Địa điểm kinh doanh: Điện thoại:.....Fax: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét cấp Giấy phép bán lẻ rượu, cụ thể là: Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....(1).....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

.....(2) ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(2): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

2. CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LÊ RƯỢU

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản đề thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và cấp giấy phép bán lẻ rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định. Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

+ Bản sao giấy phép đã được cấp;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân và tổ chức kinh doanh rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ rượu hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép theo Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân.

- Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/7/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 50% mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Từ ngày 01/01/2024, thực hiện thu theo mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy phép: Không có.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: Sửa đổi phí, lệ phí theo quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

TÊN THƯƠNG NHÂN

Số: /

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày Tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU

Kính gửi: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax:.....

Địa điểm kinh doanh:..... Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng năm

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp số..... do Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp ngày tháng năm

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do cấp ngày..... tháng năm

..... (1)..... đề nghị Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép bán lẻ rượu với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới: (2)

..... (1)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)***Chú thích:**

(1): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(2): Nội dung sửa đổi, bổ sung.

3. CẤP LẠI GIẤY PHÉP BÁN LẺ RƯỢU

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản để thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và cấp giấy phép bán lẻ rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định. Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* *Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:* Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với quy định lại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

* *Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:*

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP;

+ Bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân và tổ chức kinh doanh rượu có độ cồn từ 5,5 độ trở lên.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ rượu hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép theo Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân (Không thu phí thẩm định đối với trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng).

- Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/7/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 50% mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Từ ngày 01/01/2024, thực hiện thu theo mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy phép: Không có.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: Sửa đổi phí, lệ phí theo quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày Tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP BÁN LÊ RƯỢU*(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)*

Kính gửi: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:
.....Fax:.....Địa điểm sản xuất/kinh doanh:Điện thoại: Fax:
.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày...thángnăm

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp số..... do Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp ngày tháng năm

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp ngày..... tháng năm

..... (1)..... đề nghị Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu với lý do cụ thể như sau:.....(2)

..... (1)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

(1): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(2): Lý do xin cấp lại.

4. CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản để thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định. Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

+ Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép theo Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân.

- Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/7/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 50% mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Từ ngày 01/01/2024, thực hiện thu theo mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy phép: Không có.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo mẫu Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012.

- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: Sửa đổi phí, lệ phí theo quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

TÊN THƯƠNG NHÂN

Số: /

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày Tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: (1)

1. Tên thương nhân:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại:..... Fax:.....;

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

Đề nghị (1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

..... (2)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm: (3) (ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên cấp huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

5. CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản để thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định. Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 46 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương);

+ Bản sao Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép theo Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân.

- Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/7/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 50% mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Từ ngày 01/01/2024, thực hiện thu theo mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy phép: Không có.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 46 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012.

- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- *Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.*

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: Sửa đổi phí, lệ phí theo quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày Tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng(1)

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có).....(2).....(ghi rõ tên thương nhân)...(3) kính đề nghị Phòng Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....
9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(4)

- Đề tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(5)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....(5)

b) Đề nghị bổ sung:.....(6).....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

6. CẤP LẠI GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản để thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định. Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* *Trường hợp Giấy phép đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:* hồ sơ cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

* *Trường hợp giấy phép bị mất, bị tiêu hủy hoàn toàn hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:*

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 52, kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép theo Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân (Không thu phí thẩm định đối với trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng).

- *Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/7/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 50% mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Từ ngày 01/01/2024, thực hiện thu theo mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

- Lệ phí cấp giấy phép: Không có.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo mẫu Phụ lục 52 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012.

- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27

tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Ghi chú: Sửa đổi phí, lệ phí theo quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

TÊN THƯƠNG NHÂN

Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày Tháng..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: PHÒNG CÔNG THƯƠNG (1)

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Công Thương (1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được Phòng Công Thương (1).....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị Phòng Công Thương (1).....xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do(2).....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

7. CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản để thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định (Lập và Lưu giữ: Giấy phép được làm thành 04 bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép, 01 bản gửi cơ sở được cấp giấy phép, 01 bản gửi Sở Công Thương). Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

+ Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ

sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép: 1.100.000 đồng/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày Tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP.....⁽¹⁾.....Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép⁽¹⁾....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:Sản xuất các loại rượu:⁽³⁾.....Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁴⁾.....**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

sau:.....

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau:

.....

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾.....

.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾.....

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:⁽⁶⁾.....

xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

8. CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản để thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định. Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP);

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đã được cấp;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép: 1.100.000 đồng/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN THƯƠNG NHÃN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....do..... cấp ngàytháng..... năm.....;

Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) sốdo:..... cấp ngày..... tháng..... năm⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾.....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép.....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:**1. Sửa đổi:**

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽⁴⁾.....**2. Bổ sung:**⁽⁴⁾..........⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))****Chú thích:***⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

9. CẤP LẠI GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

a) Trình tự thực hiện:

- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

- Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:

+ Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

+ Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản để thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

+ Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định. Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* *Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:* Hồ sơ cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

* *Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:*

+ Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành tại Nghị định 17/2020/NĐ-CP;

+ Bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép: 1.100.000 đồng/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp lại giấy phép(1).....****(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:..... Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng... năm...;

Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm ...Giấy phép...⁽¹⁾.....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....⁽³⁾.....đề nghị⁽²⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:⁽⁴⁾..

.....⁽³⁾.....xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày ... tháng năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))***Chú thích:**

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

II. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

10. CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản để thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và trình UBND cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân (Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới). Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định. Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

ược đóng dấu xác nhận kèm theo (- Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

+ Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực.

+ Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

- Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân và tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép theo Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân.

- Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/7/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 50% mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Từ ngày 01/01/2024, thực hiện thu theo mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy phép: Không có.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có hợp đồng tối thiểu 1 năm bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP, trừ trường hợp cửa hàng trực thuộc của thương nhân.

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- *Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.*

Ghi chú: Sửa đổi phí, lệ phí theo quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Quận/huyện...

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Ủy ban nhân dân quận/huyện.....xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
 CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

11. CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỦA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản đề thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và trình UBND cấp huyện cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân (Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi). Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định. Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;

+ Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

- Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân và tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép theo Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân.

- Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/7/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 50% mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Từ ngày 01/01/2024, thực hiện thu theo mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy phép: Không có.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

Ghi chú: Sửa đổi phí, lệ phí theo quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Quận/huyện...

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
do cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai số

Đề nghị Ủy ban nhân dân Quận/huyện.....xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai sốtheo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:
 - Như trên;
 - Lưu:....

.....ngày....tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
 CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

12. CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỦA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại mục c) dưới đây, nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ của các thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần theo quy định, cấp Biên nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xử lý. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản đề thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và trình UBND cấp huyện cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân (Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi). Trường hợp từ chối cấp phép, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển kết quả đã giải quyết cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện để trả cho thương nhân theo thời gian quy định. Trường hợp thương nhân có yêu cầu gửi trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với dịch vụ bưu chính để chuyển phát theo yêu cầu.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

- **Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân và tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy phép theo Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân.

- Thực hiện theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, từ ngày 01/7/2023-31/12/2023 áp dụng mức thu bằng 50% mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Từ ngày 01/01/2024, thực hiện thu theo mức quy định của Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy phép: Không có.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

Ghi chú: Sửa đổi phí, lệ phí theo quy định của Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Quận/huyện...

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:
.....do cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai số

Đề nghị Ủy ban nhân dân Quận/huyện.....xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai sốtheo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

.....ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

III. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

13. CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP HUYỆN

a) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện từ các cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND cấp huyện, hoặc thông qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương) kèm theo bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương;

+ Bản thuyết minh, mô tả giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn (theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương) kèm theo tối thiểu 03 (ba) ảnh màu, cỡ (10 x 15) cm của sản phẩm được chụp tại các góc độ khác nhau (tối thiểu tại các góc: chính diện, các mặt bên, từ trên xuống);

+ Bản sao hợp lệ các tài liệu khác còn giá trị pháp lý liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 (hai) bộ hồ sơ (kèm theo bản hồ sơ điện tử).

d) Thời hạn giải quyết: Ba mươi (30) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở công nghiệp nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn huyện Hòa Vang, phường Hòa Quý, Hòa Hải (quận Ngũ Hành Sơn), phường Hòa Hiệp Nam, Hòa Hiệp Bắc, Hòa Khánh Nam (quận Liên Chiểu); các Hợp tác xã, tổ hợp tác thuộc lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh thuộc các làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

+ Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương).

+ Bản thuyết minh, mô tả giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn (theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương).

k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

- Sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

+ Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;

+ Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;

+ Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;

+ Tiêu chí khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

- Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương về Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA**BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

<input type="checkbox"/> cấp Huyện	<input type="checkbox"/> cấp Tỉnh	<input type="checkbox"/> cấp Khu vực	<input type="checkbox"/> cấp Quốc gia
------------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------------	---------------------------------------

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thônTên viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa có dấu*):

.....

Tên viết tắt (*nếu có*): Mã số (*nếu có*):

Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

- Công ty cổ phần Doanh nghiệp tư nhân Trung tâm
 Công ty TNHH Hợp tác xã Cơ sở sản xuất
 Hộ kinh doanh Khác (*ghi rõ loại hình*):.....

Tài khoản số: Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng: Chi nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh (*nếu có*)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuấtTên địa điểm sản xuất: (*nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh*)

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:.....

Ngày cấp, nơi cấp

Các ngành, nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh (bằng số; VNĐ):.....

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):...

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất:

Tổng số lao động hiện đang sử dụng:

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội:

Thu nhập bình quân lao động (bằng số VNĐ/người):

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:

..... ;

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;
- Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;
- Khác (ghi chi tiết)

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm:

.....

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

- Thủ công mỹ nghệ
- Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm
- Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí
- Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng...năm...

**THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH
CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

.....

Địa chỉ:

.....

Người đại diện: ; Chức vụ:

.....

Điện thoại: ; Email:

.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

.....

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

 Thủ công mỹ nghệ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

.....

Trọng lượng sản phẩm (kg):

.....

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

.....

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

.....

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....
 Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....
 Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Doanh thu của sản phẩm/năm:

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....
 Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có):

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....
 Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước%.

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

- Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng
- Có khả năng sản xuất với số lượng lớn
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác
- Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):...
- Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm | <input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp |
|--|--|

<input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất	<input type="checkbox"/> Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường
<input type="checkbox"/> Đánh giá khác (<i>ghi chi tiết</i>):.....	
.....	
.....	
.....	

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước%

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước%

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....

.....

.....

.....

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):.....

.....

.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

.....

.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:

.....

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:

.....

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:

.....

4. Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,... đã đạt được:

.....

.....

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:

.....

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):

.....

.....

.....

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

.....

.....

.....

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))